TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2019/DS-PT
Ngày: 29/11/2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Dựa

Ông Huỳnh Đắc Đương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên

Trong hai ngày 27 tháng 11 năm 2019 và ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019/DS-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 120/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Anh L, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 240, đường N, khóm X, phường Y, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1. Ông Kim K, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

2. Bà Thạch Thị H1, sinh năm 1960. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Kim K: Bà Thạch Thị H1, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/8/2015).

Cùng địa chỉ: Khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Kim S1, sinh năm 1981 (Có mặt)

2. Bà Kim Thị Chanh T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị Chanh T1: Bà Thạch Thị H1, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/8/2015).

3. Bà Kim Thị S2, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

4. Ông Kim H2, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Kim Thanh T2, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

6. Bà Thạch Thị V, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm E, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

- *Người phiên dịch*: Ông Thạch C, sinh năm: 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 600, đường N, khóm I, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Ông Kim K và bà Thạch Thị H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm thể hiện:

Ông Cao Anh L là nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 2645 diện tích 220m^2 (thực đo 201,7m^2) loại đất LNK tờ bản đồ số 7 do ông Cao Anh L đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tư liệu 2004 là chiết thửa đất số 45 tờ bản đồ số 71) tọa lạc khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đất này có nguồn gốc của ông L nhận chuyển nhượng từ ông Kim Thanh T2 và bà Thạch Thị V, phần đất này ở hướng đông giáp lộ nhựa đường Thạch Ngọc Biên, hướng tây giáp phần đất của ông Kim K. Trong quá trình sử dụng ông Kim K và bà Thạch Thị H1 lấn chiếm sử dụng diện tích khoảng 22,2m^2 thuộc thửa đất số 2645 do ông L đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để mở cổng rào đi ra đường nhựa. Khi chưa mở đường nhựa thì hộ ông Kim K đi đường đất công cộng phía sau nhà ông K, nhưng từ khi mở đường nhựa thì hộ ông K chiếm đất của ông L khoảng 22,2m^2 để làm cổng rào và đi ra đường nhựa Thạch Ngọc Biên. Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kim K và bà Thạch Thị H1 phải trả lại cho ông Cao Anh L diện tích đất 22,2m^2 nằm trong tổng diện tích 201,7m^2 thuộc thửa đất số 2645 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, trên đất không có tài sản.

Sau khi khảo sát, đo đạc, định giá ngày 12/6/2018 thì phần đất tranh chấp thực đo là 16,6m^2 nằm trong hành lang lộ giới (Trong đó: Phần A thuộc một phần chiết thửa đất số 42 diện tích 7,1m^2; phần B thuộc một phần chiết thửa đất số 45 diện tích 8,0m^2 và phần C một phần đất giao thông diện tích 1,5m^2 tư liệu năm 2004), ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích 7,1m^2, ông chỉ

yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà H1 trả lại ông phần A và phần B là 15,1m^2 (22,2m^2 – 7,1m^2) thuộc thửa đất số 2645 tờ bản đồ số 7 tọa lạc khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bà Thạch Thị H1 và ông Kim K là bị đơn trình bày ý kiến: Gia đình bà H1 có thửa đất số 884 diện tích 660m^2 tư liệu năm 1991 (theo tư liệu năm 2004 là thửa đất số 42, 43 tờ bản đồ 71 diện tích 813,09m^2) tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố T có nguồn gốc của bà ngoại bà H1 để lại, gia đình bà H1 và ông K đã cất nhà sử dụng hơn 30 năm nay, trong quá trình sử dụng bà H1 và ông K không lấn đất của ông L. Trước đây do chưa mở đường nhựa nên gia đình bà H1 đi đường đất bên trong (phía sau nhà bà H1), từ khi mở đường nhựa cho đến nay thì gia đình bà H1 mở cổng rào để đi ra đường nhựa Thạch Ngọc Biên, việc mở cổng rào và đi ra đường nhựa là đi trên phần đất của gia đình bà H1, ông K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 884 diện tích 660m^2 loại T-LNK tư liệu 1991, không đi ngang phần đất của ông L. Vì, phần đất của ông L khi chuyển nhượng đất của ông Kim Thanh T2, bà Thạch Thị V là chưa mở đường nhựa nên khi mở đường nhựa thì phần đất của ông L là không còn. Nay, bà Hoàng, ông K không đồng ý trả đất cho ông L. Hiện nay, trên đất tranh chấp không có tài sản.

Bà Kim Thị Chanh T1 và ông Kim S1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến trình bày của bà Thạch Thị H1.

Bà Kim Thị S2 và ông Kim H2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Phần đất đang tranh chấp không liên quan đến ông Kim Cơn (là cha của ông, bà nay đã chết). Ông, bà không có bất cứ yêu cầu gì và yêu cầu xét xử vắng mặt trong vụ án này.

Ông Kim Thanh T2 và bà Thạch Thị V là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 17/8/2009, ông, bà có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 882 diện tích 64m^2 và thửa đất số 2645 diện tích 220m^2 tờ bản đồ số 7, loại đất cây lâu năm, tọa lại tại khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Ông Cao Anh L đứng tên vào ngày 27/8/2009. Nay, ông Cao Anh L tranh chấp với bà Thạch Thị H1 và ông Kim K, ông, bà không có ý kiến, yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2013/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố T đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Anh L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Kim K và bà Thạch Thị H1.

Buộc ông Kim K và bà Thạch Thị H1 di dời nền láng xi măng có lót bê tông diện tích 7,6m^2 đất, loại đất cây lâu năm, nằm vào một phần trong tổng diện tích 220m^2 (thực đo 201,7m^2) của thửa đất số 2645, tờ bản đồ số 7 theo tư liệu năm 1991, theo tư liệu năm 2004 thì nằm vào một phần ở hướng đông bắc trong tổng diện tích 201,7m^2 thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 71, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm C, phường D, thành phố T), do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kim Thanh T2 tại số G35409 ngày 19/12/1995, ngày 27/8/2009 Ủy ban nhân dân thị xã T

(nay là thành phố T) chỉnh tranh tư cho ông Cao Anh L đứng tên cho đến nay, có tứ cận như sau:

Đông giáp đường đá có số đo: 3,80m.

Tây giáp thửa đất số 42, có số đo: 4,37m

Nam nằm trong thửa số 45 có số đo: 2,19m.

Bắc giáp thửa đất số 41, có số đo: 1,66m

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/02/2013, bà Thạch Thị H1 có Đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2013/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Những vấn đề cụ thể người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao diện tích đất tranh chấp cho gia đình bà H1 sử dụng làm lối đi ra lộ, vì đây là lối đi của gia đình bà sử dụng từ trước đến nay, hiện nay nằm trong hành lang lộ giới đường Thạch Ngọc Biên.

Ngày 16/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bản án dân sự phúc thẩm số: 67/2013/DS-PT tuyên xử: "Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2013/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố T, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Cao Anh L, bị đơn ông Kim K và bà Thạch Thị H1. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố T để xét xử lại sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật"

Ngày 18/11/2013, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết lại vụ án.

Ngày 27/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố T ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019/ST-DS tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Anh L.

Buộc ông Kim K, bà Thạch Thị H1 và thành viên hộ gồm anh Kim S1, chị Kim Thị Chanh T1 phải có nghĩa vụ giao trả lại đất cho ông Cao Anh L quyền sử dụng đất diện tích 15,1m^2 (đất nằm trong hành lang lộ giới) nằm trong tổng diện tích 201,7m^2 , thuộc thửa 2645, loại đất LNK, tờ bản đồ số 7 tư liệu năm 1991 (tư liệu 2004 là CT45, tờ bản đồ 71) do ông Cao Anh L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, trên đất không có tài sản. Diện tích 15,1m^2 (thuộc phần A và phần B biên bản thẩm định ngày 12/6/2018) có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp phần C (phần đất giao thông), số đo 3,64m;

Hướng tây giáp phần còn lại của thửa 2645 có số đo 4,60m;

Hướng nam giáp phần còn lại của thửa 2645 số đo lần lượt 1,51m; 2,32m;

Hướng bắc giáp thửa 42 số đo lần lược 1,80m; 1,83m (kèm theo sơ đồ bản vẽ).

Ông Cao Anh L đã rút yêu cầu đối với quyền sử dụng đất diện tích 7,1m^2 (Trong đó, có phần C diện tích 1,5m^2 thuộc đất giao thông) nên được Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

Chị Kim Thị S2 và anh Kim H2 có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/7/2019, ông Kim K và bà Thạch Thị H1 có Đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019/ST-DS ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Những vấn đề cụ thể người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Anh L, giao diện tích đất tranh chấp cho gia đình ông K và bà H1 để làm lối đi chung.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Cao Anh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Kim K và bà Thạch Thị H1 phải trả lại cho ông Cao Anh L diện tích đất 15,1m^2 thuộc thửa đất số 2645 tờ bản đồ số 7 tọa lạc khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

Bà Thạch Thị H1 và ông Kim K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Cao Anh L, công nhận diện tích đất tranh chấp cho gia đình ông K và bà H1 để làm lối đi chung.

Ông Kim S1 thống nhất với yêu cầu kháng cáo của ông Kim K và bà Thạch Thị H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng, thời hạn kháng cáo của bà Thạch Thị H1 và ông Kim K là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019/DS-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Anh L là có căn cứ. Bởi: Diện tích 15,1m^2 nằm cặp lộ Thạch Ngọc Biên hướng bắc giáp thửa đất số 42 (trước kia là thửa đất số 884) thuộc quyền sử dụng đất của ông Cao Anh L. Phần đất này ông L chuyển nhượng của ông Kim Thanh T2, bà Thạch Thị V được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) chỉnh trang tư đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2009, phần đất tranh chấp này trước kia là mương nước nên ông K, bà H1 không có chiếm dụng mà sử dụng lối đi phía sau nhà. Đến khi đường Thạch Ngọc Biên được làm đường lộ nhựa ông K, bà H1 mở lối đi ra đường Thạch Ngọc Biên thì phát sinh tranh chấp với ông Cao Anh L, theo hồ sơ chỉnh lý biến động đất đai (Bút lục 502) phần diện tích đất tranh chấp 15,1m^2 (trong đó phần A diện tích 8,0m^2 và phần B diện tích 7,1m^2 nằm trong thửa đất số 2645 tư liệu năm 1991 đến

năm 2004 phần B nằm trong thửa đất số 42. Như vậy, diện tích 7,1m^2 biến động không thông qua giao dịch dân sự là không hợp pháp, phần đất tranh chấp 15,1m^2 nằm trong đất hành lang lộ giới, nhưng chưa giải tỏa đền bù, nên vẫn thuộc quyền sử dụng của ông L (Bút lục 502). Do vậy, ông K, bà H1 cho rằng đất tranh chấp là đất hành lang an toàn giao thông là của ông K, bà H1, nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho sự việc này.

Phần quyết định Bản án sơ thẩm tuyên vị trí tứ cận đất tranh chấp chưa đầy đủ, cần đính chính cho phù hợp. Bản án chưa tuyên việc chỉnh lý biến động đất đai, nên sửa đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố T chỉnh lý biến động đất đai theo Bản án này đối với phần B diện tích 7,1m^2 của thửa đất số 42 sang thửa đất số 2645. Phần lối đi đang tranh chấp có các con bị đơn đang cùng sử dụng, nhưng án sơ thẩm chỉ buộc bị đơn ông K, bà H1 trả lối đi là chưa đảm bảo thi hành án.

Án phí Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 chịu 490.500 đồng là không đúng, tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch. Sửa phần án phí này buộc bà H1 chịu 100.000 đồng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019/ST-DS ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bà Thạch Thị H1 và ông Kim K kháng cáo là trong thời gian luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét thấy việc bà Thạch Thị H1 và ông Kim K kháng cáo yêu cầu giao phần đất đang tranh chấp 15,1m^2 cho ông, bà làm lối đi chung là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi các căn cứ sau:

Hộ ông Kim K được cấp quyền sử dụng đất diện tích 660m^2, tờ bản đồ số 7, thửa đất số 884. Theo tư liệu năm 2004 thể hiện thì thửa đất số 884 được tách thành 2 thửa: Thửa đất số 42 và 43 cùng tờ bản đồ 71, tổng diện tích thực tế gia đình ông K và bà H1 sử dụng là 813,09m^2 nhiều hơn so với diện tích hộ ông K được cấp Giấy là 153,09m^2. Theo Tờ tường trình về thửa đất ngày 30/7/2009 của ông Kim K (Bút lục 476) xác định rằng thửa 42, 43 gia đình ông đã sử dụng ổn định, lâu dài, có cắm cột mốc làm ranh giới trước đây giữa gia đình ông và gia đình ông T2 và bà V. Cho nên việc ông L chuyển nhượng đất của ông T2 cũng lấy đó làm ranh giới giữa ông L với gia đình ông K và bà H1.

[3]. Ông Cao Anh L nhận chuyển nhượng 02 thửa đất từ ông Kim Thanh T2 và bà Thạch Thị V, thửa 882 diện tích 64m^2 và thửa đất số 2645 diện tích 220m^2

(thực đo 201,7m^2), tọa lạc tại khóm C, phường D thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Công văn số: 1608/UBND-NC ngày 07/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố T xác định việc hộ ông Kim Thanh T2 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Cao Anh L là đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Từ đó có thể xác định rằng diện tích 15,1m^2 đất đang tranh chấp nằm một phần trong thửa 2645 tờ bản đồ số 7, thuộc quyền sử dụng đất của ông Cao Anh L. Cho nên, trong tổng số diện tích 15,1m^2 đất đang tranh chấp tại thửa 2645 thuộc quyền sử dụng đất của ông Cao Anh L có 7,1m^2 theo tư liệu 2004 cơ quan quản lý đất đai đã chỉnh lý biến động sang thửa 42 do ông Kim K đứng tên là không có căn cứ pháp lý, vì không có chứng cứ nào chứng minh việc ông T2, ông L chuyển nhượng phần đất này lại cho ông Kim K và bà H1.

[4]. Ngoài lối đi đang tranh chấp 15,1m^2 thì trước đây hộ ông Kim K và bà Thạch Thị H1 đã sử dụng lối đi công cộng ở phía sau chiều ngang 04m. Vì vậy, diện tích đất của hộ ông Kim K và bà Thạch Thị H1 không bị vây bộc bởi bất động sản liền kề, nên cấp sơ thẩm tuyên buộc hộ ông Kim K và bà Thạch Thị H1 giao trả phần đất này cho ông Cao Anh L là có cơ sở.

[5]. Cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản thẩm định ngày 12/6/2018, tuyên án về vị trí, kích thước, tứ cận thể hiện:

Hướng đông giáp phần C (phần đất giao thông), số đo 3,64m;

Hướng tây giáp phần còn lại của thửa 2645 số đo 4,60m;

Hướng nam giáp phần còn lại của thửa 2645 số đo lần lượt 1,51m; 2,32m;

Hướng bắc giáp thửa 42 số đo lần lượt 1,80m; 1,83m (kèm theo sơ đồ bản vẽ), việc tuyên án như trên là chưa đúng với Biên bản thẩm định ngày 12/6/2018, nên cần sửa lại vị trí, kích thước như sau

Hướng đông giáp đường nhựa, kích thước 3,64m;

Hướng tây giáp thửa 42, kích thước 4,6m;

Hướng nam giáp thửa 45 kích thước lần lượt là 1,51m; 2,32m;

Hướng bắc giáp thửa 42 kích thước lần lượt là 1,80m; 1,83m.

Kèm theo Sơ đồ thửa đất ngày 10/10/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh T là phần không thể tách rời của bản án.

[6]. Do vụ án được Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý ngày 18 tháng 11 năm 2013, thời điểm này Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án vẫn còn hiệu lực thi hành. Mặt khác, việc tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch. Do đó, án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Tòa án nhân dân thành phố T miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Kim K. Bà Thạch Thị H1 phải có nghĩa vụ nộp 490.500đ (Bốn trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Lẽ ra, chỉ buộc bà Thạch Thị H1 phải chịu 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên và qua diễn biến xét xử phù hợp với nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên ông Kim K và bà Thạch Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do ông Kim K là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí, ông K không nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông K. Bà Thạch Thị H1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Kim K và bà Thạch Thị H1

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019/ST-DS ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Tuyên xử:

Căn cứ khoản 9, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 166; Điều 165; Điều 244 và khoản 1 Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, Điều 100 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Anh L.

Buộc ông Kim K, bà Thạch Thị H1 và các thành viên hộ gồm anh Kim S1, chị Kim Thị Chanh T1 phải có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Cao Anh L quyền sử dụng đất diện tích 15,1m^2 (đất nằm trong hành lang lộ giới) nằm trong tổng diện tích 201,7m^2 thuộc thửa đất số 2645 loại đất LNK tờ bản đồ số 7 tư liệu 1991 (tư liệu 2004 là CT45 tờ bản đồ 71) do ông Cao Anh L đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, trên đất không có tài sản. Diện tích 15,1m^2 (thuộc phần A và phần B biên bản thẩm định ngày 12/6/2018) có tứ cận như sau:

Hướng đông giáp đường nhựa, kích thước 3,64m;

Hướng tây giáp thửa 42, kích thước 4,6m;

Hướng nam giáp thửa 45 kích thước lần lượt là 1,51m; 2,32m;

Hướng bắc giáp thửa 42 kích thước lần lượt là 1,80m; 1,83m.

Kèm theo Sơ đồ thửa đất ngày 10/10/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh Trà Vinh là phần không thể tách rời của Bản án.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Kim K. Bà Thạch Thị H1 phải có nghĩa vụ nộp 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Cao Anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0000227 ngày 18/5/2011, số 0007013 ngày 19/9/2014, số 0010642 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Kim K và bà Thạch Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do ông Kim K là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí, ông K không nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông K; bà Thạch Thị H1 được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số: 0002826 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá và cung cấp thông tin: Buộc ông Kim K và bà Thạch Thị H1 phải có nghĩa vụ chịu 8.816.990 đồng (Tám triệu tám trăm mười sáu nghìn chín trăm chín mươi đồng), cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền thu từ ông Kim K, bà Thạch Thị H1 để giao trả lại cho ông Cao Anh L. Số tiền còn lại 198.010 đồng (Một trăm chín mươi tám nghìn không trăm mười đồng) ông L liên hệ Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh để nhận lại.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND tp T;
- THA tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Hữu Bình